

Phụ lục I

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH
MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2024 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN SA THẦY

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2024
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: 2021 - 2025		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	%	4,27
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	>4
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025		
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	60,0
	<i>Trong đó:</i>		
	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	33,3

Phụ lục II

PHÂN BỐ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2024
THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN SA THẦY

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chương trình	DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2024										Ghi chú
		Tỉnh giao			Địa phương giao							
					Tổng số	Phân bổ đợt này			Phân bổ sau khi đủ điều kiện (*)			
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp			Tổng số	Vốn đầu tư phát triển		Vốn sự nghiệp	Vốn đầu tư phát triển	
	Tổng số	89.213,0	45.941,0	43.272,0	89.213,0	60.229,4	17.062,4	43.167,0	28.983,6	28.878,6	105,0	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025	14.658,0		14.658,0	14.658,0	14.658,0		14.658,0				Chi tiết tại Phụ lục IV
2	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: 2021 - 2025	66.338,0	41.349,0	24.989,0	66.338,0	40.775,2	15.891,2	24.884,0	25.562,8	25.457,8	105,0	Chi tiết tại Phụ lục V
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	8.217,0	4.592,0	3.625,0	8.217,0	4.796,2	1.171,2	3.625,0	3.420,8	3.420,8		Chi tiết tại Phụ lục VI

Ghi chú: (*): Ủy ban nhân dân huyện trình Hội đồng nhân dân huyện phân bổ chi tiết sau khi đảm bảo thủ tục theo quy định.

Phụ lục III
PHÂN BỐ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2024
THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN SA THẦY

ĐVT: Triệu đồng

TT	Đơn vị	DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2024 THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA												Ghi chú
		Tổng 03 chương trình mục tiêu quốc gia			Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025			Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025			Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: 2021 - 2025			
		Tổng cộng	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp	Tổng cộng	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp	Tổng cộng	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp	Tổng cộng	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp	
1	Toàn huyện	89.213	45.941	43.272	8.217	4.592	3.625	14.658		14.658	66.338	41.349	24.989	Chi tiết tại Phụ lục IV, V, VI

Phụ lục IV

PHÂN BỐ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2024 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN SA THẦY

ĐVT: Triệu đồng

TT	Đơn vị, địa phương	DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2024 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025																			Ghi chú						
		Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN																							
					Dự án 2		Dự án 3		Dự án 4						Dự án 5		Dự án 6		Dự án 7								
					Vốn SN	Tổng cộng	Chi tiết tiểu dự án		Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Chi tiết tiểu dự án						Vốn SN	Tổng cộng	Chi tiết tiểu dự án		Tổng cộng	Chi tiết tiểu dự án				
							TDA 1	TDA 2				TDA 1			TDA 3					TDA 1			TDA 2		TDA 1	TDA 2	
												Vốn SN	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Tổng cộng						Vốn ĐTPT	Vốn SN		Vốn SN	Vốn SN
1	Huyện Sa Thầy	14.658		14.658	5.466	3.014	2.215	799	4.292		4.292	3.346		3.346	946		946		902	674	228	984	615	369	Chi tiết tại Phụ lục IV.1		

Ghi chú:

Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

- 1
- Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo
-
- Tiểu dự án 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo
- 2
- Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo
- 3
- Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng
-
- Tiểu dự án 1. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp
-
- Tiểu dự án 2. Cải thiện dinh dưỡng
- 4
- Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững
-
- Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn
-
- Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng
-
- Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững
- 5
- Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo
- 6
- Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin
-
- Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin
-
- Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều
- 7
- Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình
-
- Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình
-
- Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá

Phụ lục IV.1

PHÂN BỐ DỰ TOÁN VỐN SỰ NGHIỆP NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2024 THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN SA THẦY

DVT: Triệu đồng

TT	Đơn vị	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Thời gian	Vốn sự nghiệp Trung ương năm 2024			Ghi chú
					Tổng số	Phân bổ kỳ này	Phân bổ sau khi đủ điều kiện (*)	
	TỔNG KINH PHÍ				14.658,0	14.658,0		
I	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo				5.466,0	5.466,0		
1	Xã Sa Bình	UBND xã Sa Bình	Xã Sa Bình	2024	372,0	372,0		
2	Xã Sa Nghĩa	UBND xã Sa Nghĩa	Xã Sa Nghĩa	2024	324,0	324,0		
3	Xã Sa Nhon	UBND xã Sa Nhon	Xã Sa Nhon	2024	372,0	372,0		
4	Xã Sa Sơn	UBND xã Sa Sơn	Xã Sa Sơn	2024	324,0	324,0		
5	Xã Ya Xiêr	UBND xã Ya Xiêr	Xã Ya Xiêr	2024	646,0	646,0		
6	Xã Ya Ly	UBND xã Ya Ly	Xã Ya Ly	2024	420,0	420,0		
7	Xã Ya Tăng	UBND xã Ya Tăng	Xã Ya Tăng	2024	526,0	526,0		
8	Xã Rờ Kơi	UBND xã Rờ Kơi	Xã Rờ Kơi	2024	710,0	710,0		
9	Xã Mô Rai	UBND xã Mô Rai	Xã Mô Rai	2024	777,0	777,0		
10	Xã Hơ Moong	UBND xã Hơ Moong	Xã Hơ Moong	2024	469,0	469,0		
11	Thị trấn Sa Thầy	UBND thị trấn Sa Thầy	Thị trấn Sa Thầy	2024	526,0	526,0		
II	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng				3.014,0	3.014,0		
II.1	Tiểu dự án 1. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp					2.215,0		
(1)	Cấp huyện	Phòng Nông nghiệp &PTNT	Huyện Sa Thầy	2024	45,0	45,0		
(2)	Cấp xã				2.170,0	2.170,0		
1	Xã Sa Bình	UBND xã Sa Bình	Xã Sa Bình	2024	148,0	148,0		
2	Xã Sa Nghĩa	UBND xã Sa Nghĩa	Xã Sa Nghĩa	2024	128,0	128,0		
3	Xã Sa Nhon	UBND xã Sa Nhon	Xã Sa Nhon	2024	148,0	148,0		
4	Xã Sa Sơn	UBND xã Sa Sơn	Xã Sa Sơn	2024	128,0	128,0		
5	Xã Ya Xiêr	UBND xã Ya Xiêr	Xã Ya Xiêr	2024	257,0	257,0		
6	Xã Ya Ly	UBND xã Ya Ly	Xã Ya Ly	2024	167,0	167,0		
7	Xã Ya Tăng	UBND xã Ya Tăng	Xã Ya Tăng	2024	209,0	209,0		
8	Xã Rờ Kơi	UBND xã Rờ Kơi	Xã Rờ Kơi	2024	280,0	280,0		
9	Xã Mô Rai	UBND xã Mô Rai	Xã Mô Rai	2024	309,0	309,0		
10	Xã Hơ Moong	UBND xã Hơ Moong	Xã Hơ Moong	2024	187,0	187,0		
11	Thị trấn Sa Thầy	UBND thị trấn Sa Thầy	Thị trấn Sa Thầy	2024	209,0	209,0		
II.2	Tiểu dự án 2. Hỗ trợ Cải thiện dinh dưỡng				799,0	799,0		
(1)	Cấp huyện	Phòng Y tế	Huyện Sa Thầy	2024	80,0	80,0		
(2)	Cấp xã				719,0	719,0		
1	Xã Sa Bình	UBND xã Sa Bình	Xã Sa Bình	2024	49,0	49,0		
2	Xã Sa Nghĩa	UBND xã Sa Nghĩa	Xã Sa Nghĩa	2024	42,0	42,0		
3	Xã Sa Nhon	UBND xã Sa Nhon	Xã Sa Nhon	2024	49,0	49,0		
4	Xã Sa Sơn	UBND xã Sa Sơn	Xã Sa Sơn	2024	42,0	42,0		
5	Xã Ya Xiêr	UBND xã Ya Xiêr	Xã Ya Xiêr	2024	85,0	85,0		
6	Xã Ya Ly	UBND xã Ya Ly	Xã Ya Ly	2024	55,0	55,0		
7	Xã Ya Tăng	UBND xã Ya Tăng	Xã Ya Tăng	2024	69,0	69,0		
8	Xã Rờ Kơi	UBND xã Rờ Kơi	Xã Rờ Kơi	2024	96,0	96,0		
9	Xã Mô Rai	UBND xã Mô Rai	Xã Mô Rai	2024	102,0	102,0		
10	Xã Hơ Moong	UBND xã Hơ Moong	Xã Hơ Moong	2024	61,0	61,0		
11	Thị trấn Sa Thầy	UBND thị trấn Sa Thầy	Thị trấn Sa Thầy	2024	69,0	69,0		
III	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững				4.292,0	4.292,0		

TT	Đơn vị	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Thời gian	Vốn sự nghiệp Trung ương năm 2024			Ghi chú
					Tổng số	Phân bổ kỳ này	Phân bổ sau khi đủ điều kiện (*)	
III.1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn				3.346,0	3.346,0		
1	Trung tâm GDNN - GDTX	Trung tâm GDNN - GDTX	Huyện Sa Thầy	2024	1.516,0	1.516,0		
2	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	Phòng LĐTBXH	Huyện Sa Thầy	2024	1.830,0	1.830,0		
III.2	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững				946,0	946,0		
(1)	Cấp huyện	Phòng LĐTBXH	Huyện Sa Thầy	2024	94,0	94,0		
(2)	Cấp xã				852,0	852,0		
1	Xã Sa Bình	UBND xã Sa Bình	Xã Sa Bình	2024	58,0	58,0		
2	Xã Sa Nghĩa	UBND xã Sa Nghĩa	Xã Sa Nghĩa	2024	50,0	50,0		
3	Xã Sa Nhon	UBND xã Sa Nhon	Xã Sa Nhon	2024	58,0	58,0		
4	Xã Sa Sơn	UBND xã Sa Sơn	Xã Sa Sơn	2024	50,0	50,0		
5	Xã Ya Xiêr	UBND xã Ya Xiêr	Xã Ya Xiêr	2024	100,0	100,0		
6	Xã Ya Ly	UBND xã Ya Ly	Xã Ya Ly	2024	65,0	65,0		
7	Xã Ya Tăng	UBND xã Ya Tăng	Xã Ya Tăng	2024	82,0	82,0		
8	Xã Rờ Koi	UBND xã Rờ Koi	Xã Rờ Koi	2024	113,0	113,0		
9	Xã Mô Rai	UBND xã Mô Rai	Xã Mô Rai	2024	121,0	121,0		
10	Xã Hơ Moong	UBND xã Hơ Moong	Xã Hơ Moong	2024	73,0	73,0		
11	Thị trấn Sa Thầy	UBND thị trấn Sa Thầy	Thị trấn Sa Thầy	2024	82,0	82,0		
IV	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin				902,0	902,0		
IV.1	Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin				674,0	674,0		
(1)	Cấp huyện	Phòng VH - TT	Huyện Sa Thầy	2024	674,0	674,0		
IV.2	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều				228,0	228,0		
(1)	Cấp huyện	Phòng LĐTBXH	Huyện Sa Thầy	2024	80,0	80,0		
(2)	Cấp xã				148,0	148,0		
1	Xã Sa Bình	UBND xã Sa Bình	Xã Sa Bình	2024	10,0	10,0		
2	Xã Sa Nghĩa	UBND xã Sa Nghĩa	Xã Sa Nghĩa	2024	9,0	9,0		
3	Xã Sa Nhon	UBND xã Sa Nhon	Xã Sa Nhon	2024	10,0	10,0		
4	Xã Sa Sơn	UBND xã Sa Sơn	Xã Sa Sơn	2024	9,0	9,0		
5	Xã Ya Xiêr	UBND xã Ya Xiêr	Xã Ya Xiêr	2024	17,0	17,0		
6	Xã Ya Ly	UBND xã Ya Ly	Xã Ya Ly	2024	11,0	11,0		
7	Xã Ya Tăng	UBND xã Ya Tăng	Xã Ya Tăng	2024	14,0	14,0		
8	Xã Rờ Koi	UBND xã Rờ Koi	Xã Rờ Koi	2024	21,0	21,0		
9	Xã Mô Rai	UBND xã Mô Rai	Xã Mô Rai	2024	21,0	21,0		
10	Xã Hơ Moong	UBND xã Hơ Moong	Xã Hơ Moong	2024	12,0	12,0		
11	Thị trấn Sa Thầy	UBND thị trấn Sa Thầy	Thị trấn Sa Thầy	2024	14,0	14,0		
V	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình				984,0	984,0		
V.1	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình				615,0	615,0		
a)	Tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ làm công tác giảm nghèo (Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG cấp huyện)	Phòng LĐTBXH	Huyện Sa Thầy	2024	185,0	185,0		
b)	Tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ làm công tác giảm nghèo cấp xã			2024	430,0	430,0		
1	Xã Sa Bình	UBND xã Sa Bình	Xã Sa Bình	2024	30,0	30,0		
2	Xã Sa Nghĩa	UBND xã Sa Nghĩa	Xã Sa Nghĩa	2024	26,0	26,0		
3	Xã Sa Nhon	UBND xã Sa Nhon	Xã Sa Nhon	2024	29,0	29,0		
4	Xã Sa Sơn	UBND xã Sa Sơn	Xã Sa Sơn	2024	26,0	26,0		
5	Xã Ya Xiêr	UBND xã Ya Xiêr	Xã Ya Xiêr	2024	50,0	50,0		
6	Xã Ya Ly	UBND xã Ya Ly	Xã Ya Ly	2024	33,0	33,0		
7	Xã Ya Tăng	UBND xã Ya Tăng	Xã Ya Tăng	2024	41,0	41,0		
8	Xã Rờ Koi	UBND xã Rờ Koi	Xã Rờ Koi	2024	56,0	56,0		

TT	Đơn vị	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Thời gian	Vốn sự nghiệp Trung ương năm 2024			Ghi chú
					Tổng số	Phân bổ kỳ này	Phân bổ sau khi đủ điều kiện (*)	
9	Xã Mô Rai	UBND xã Mô Rai	Xã Mô Rai	2024	61,0	61,0		
10	Xã Hơ Moong	UBND xã Hơ Moong	Xã Hơ Moong	2024	37,0	37,0		
11	Thị trấn Sa Thầy	UBND thị trấn Sa Thầy	Thị trấn Sa Thầy	2024	41,0	41,0		
V.2	<i>Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá (Thực hiện các hoạt động kiểm tra, giám sát, đánh giá dự án thành phần)</i>				369,0	369,0		
(1)	Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG cấp huyện	Phòng LĐTBXH	Huyện Sa Thầy	2024	111,0	111,0		
(2)	Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG cấp xã, thị trấn				258,0	258,0		
1	Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG xã Sa Bình	UBND xã Sa Bình	Xã Sa Bình	2024	17,0	17,0		
2	Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG xã Sa Nghĩa	UBND xã Sa Nghĩa	Xã Sa Nghĩa	2024	15,0	15,0		
3	Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG xã Sa Nhơn	UBND xã Sa Nhơn	Xã Sa Nhơn	2024	17,0	17,0		
4	Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG xã Sa Sơn	UBND xã Sa Sơn	Xã Sa Sơn	2024	15,0	15,0		
5	Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG xã Ya Xiêr	UBND xã Ya Xiêr	Xã Ya Xiêr	2024	32,0	32,0		
6	Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG xã Ya Ly	UBND xã Ya Ly	Xã Ya Ly	2024	20,0	20,0		
7	Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG xã Ya Tăng	UBND xã Ya Tăng	Xã Ya Tăng	2024	24,0	24,0		
8	Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG xã Rờ Koi	UBND xã Rờ Koi	Xã Rờ Koi	2024	35,0	35,0		
9	Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG xã Mô Rai	UBND xã Mô Rai	Xã Mô Rai	2024	36,0	36,0		
10	Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG xã Hơ Moong	UBND xã Hơ Moong	Xã Hơ Moong	2024	22,0	22,0		
11	Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG thị trấn Sa Thầy	UBND thị trấn Sa Thầy	Thị trấn Sa Thầy	2024	25,0	25,0		

Ghi chú: (*): Ủy ban nhân dân huyện trình Hội đồng nhân dân huyện phân bổ chi tiết sau khi đảm bảo thủ tục theo quy định.

Phụ lục V

PHÂN BỐ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2024
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO
DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2030, GIAI ĐOẠN I: 2021 - 2025 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN SA THẦY

ĐVT: Triệu đồng

TT	Đơn vị	DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2024																																Ghi chú																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																															
		Tổng cộng	Vốn ĐTPT			Vốn SN			Chi tiết dự án thành phần																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																								
			Tổng cộng	Phân bổ kỳ này	Phân bổ sau khi đủ điều kiện (*)	Tổng cộng	Phân bổ kỳ này	Phân bổ sau khi đủ điều kiện (*)	Dự án 1			Dự án 2			Dự án 3				Dự án 4 (TDA 1)			Dự án 5				Dự án 6			Dự án 8		Dự án 9				Dự án 10																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																														
									Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Chi tiết tiểu dự án		Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Chi tiết tiểu dự án		Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Tổng cộng		Vốn ĐTPT	Vốn SN	Chi tiết tiểu dự án																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																												
																	TDA 1	TDA 2							TDA 1	TDA 2											TDA 1	TDA 2	TDA 3																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
																																								Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn SN	Tổng cộng

Ghi chú:

Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: 2021 - 2025

- 1 Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt
- 2 Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết
- 3 Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị
- Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân
- Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi
- 4 Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc
- Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi
- 5 Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực
- Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường PTDTNT, trường PTDTBT, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng ĐBDTTS
- Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.
- Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi.
- Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp.
- 6 Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch
- 7 Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tâm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em
- 8 Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em
- 9 Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn
- Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù
- Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi
- 10 Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình
- Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình
- Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi
- Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình.

(*): Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết sau khi đàm bảo thủ tục theo quy định.

Phụ lục V.1

PHÂN BỐ DỰ TOÁN VỐN ĐẦU TƯ NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2024 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2030, GIAI ĐOẠN I: 2021-2025 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN SA THẦY

ĐVT: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án/công trình	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Vốn đầu tư nguồn NSTW năm 2024			Dự án theo cơ chế đặc thù	Ghi chú
						Số QĐ, ngày tháng năm phê duyệt	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng cộng	Phân bổ kỳ này	Phân bổ sau khi đủ điều kiện (*)		
TỔNG SỐ							53.664,7	50.178,7	41.349,0	15.891,2	25.457,8		
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt						0,0	0,0	2.456,0		2.456,0		
I.1	Nội dung số 02: Hỗ trợ nhà ở											x	
1	Xã Sa Bình	UBND xã Sa Bình	Xã Sa Bình		2024								
2	Xã Hơ Moong	UBND xã Hơ Moong	Xã Hơ Moong		2024								
3	Xã Ya Tăng	UBND xã Ya Tăng	Xã Ya Tăng		2024								
4	Xã Rờ Koi	UBND xã Rờ Koi	Xã Rờ Koi		2024								
5	Xã Mô Rai	UBND xã Mô Rai	Xã Mô Rai		2024								
I.2	Nội dung số 5: Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung												
1	Xây dựng giếng khoan, hệ thống cấp nước và hạng mục phụ trợ làng Rắc, làng O, xã Ya Xiêr	UBND xã Ya Xiêr	Xã Ya Xiêr		2024								
II	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết						30.708,0	27.317,0	8.723,0	7.223,0	1.500,0		
1	Dự án sắp xếp, bố trí ổn định dân cư tập trung và tại chỗ thôn Đăk Wót, xã Hơ Moong, huyện Sa Thầy	BQLDA ĐTXD	Xã Hơ Moong		2022-2025	1900/QĐ-UBND 11/11/2022	30.708,0	27.317,0	7.223,0	7.223,0			DA chuyển tiếp; Năm 2022, 2023 đã bố trí 13.531 triệu đồng
2	Dự án sắp xếp, ổn định dân cư Làng KĐin, xã Mô Rai, huyện Sa Thầy	BQLDA ĐTXD	Xã Mô Rai		2024-2025								
III	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc						21.351,7	21.351,7	28.663,0	8.431,2	20.231,8		
III.1	Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi						23.326,3	21.351,7	28.663,0	8.431,2	20.231,8		
(1)	Ban quản lý ĐTXD huyện						19.706,0	17.915,0	7.332,6	7.332,6			
1	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường liên xã Sa Bình đi xã Ya Ly	BQLDA ĐTXD	Xã Sa Bình, Ya Ly	Sửa chữa, nâng cấp chiều dài L=12 km	2022-2025	1840/QĐ-UBND 07/11/2022	19.706,0	17.915,0	7.332,6	7.332,6			DA chuyển tiếp; năm 2022, 2023 đã bố trí 10.582,4 triệu đồng
(2)	Xã Mô Rai								3.174,0		3.174,0		
1	Đường đi khu sản xuất làng Grập (Đoạn từ rẫy ông A Chung đến rẫy ông A Tèo)	BQLDA ĐTXD	Xã Mô Rai		2024								
2	Đường đi khu sản xuất làng Grập: Đoạn từ Km00+334 đến cầu treo làng Grập	BQLDA ĐTXD	Xã Mô Rai		2024								
3	Nâng cấp hệ thống Đài phát thanh xã	UBND xã Mô Rai	Xã Mô Rai		2024								
4	Đường nội thôn Ia Tri: Đoạn từ Km00+620 đến ngã 3 đội 9	UBND xã Mô Rai	Xã Mô Rai		2024							x	
5	Đường BTXM vào nghĩa địa làng Kđin	UBND xã Mô Rai	Xã Mô Rai		2024							x	
(3)	Xã Rờ Koi						1.298,6	1.236,7	3.182,0	99,6	3.082,4		
1	Đường đi khu sản xuất thôn Đăk Tang từ rẫy ông Ngô Minh Chung đến rẫy ông Hà Văn Định	BQLDA ĐTXD	Xã Rờ Koi	L=400m, nền đường Bn=5m, Bm=3,5m, mặt đường BTXM và hệ thống thoát nước	2023-2024	169/QĐ-UBND 21/02/2023	1.298,6	1.236,7	99,6	99,6			DA chuyển tiếp; năm 2023 đã bố trí 1.137,1 triệu đồng
2	Đường đi khu sản xuất thôn Khok Klong từ cầu treo đến rẫy ông A Nhul, A Dít	BQLDA ĐTXD	Xã Rờ Koi		2024-2025								
3	Đường đi khu sản xuất thôn Kram từ rẫy ông A Lút đến rẫy ông A Thoán	BQLDA ĐTXD	Xã Rờ Koi		2024								
4	Đường đi khu sản xuất thôn Đăk Đe từ rẫy ông A Thia đến rẫy ông A Thik	BQLDA ĐTXD	Xã Rờ Koi		2024								

TT	Danh mục dự án/công trình	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Vốn đầu tư nguồn NSTW năm 2024			Dự án theo cơ chế đặc thù	Ghi chú
						Số QĐ, ngày tháng năm phê duyệt	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng cộng	Phân bổ kỳ này	Phân bổ sau khi đủ điều kiện (*)		
5	Đường nội thôn Khok Klong đoạn từ nhà A Quốc đến nhà A Hùng	UBND xã Rờ Koi	Xã Rờ Koi		2024							x	
6	Đường nội thôn Đăk Đe đoạn từ nhà a Hà đi khu sản xuất	UBND xã Rờ Koi	Xã Rờ Koi		2024							x	
7	Đường nội thôn Gia Xiêng đoạn từ nhà Y Hliuh đến nghĩa địa; đoạn từ nhà A Bui đến nhà A Chêl; đoạn từ nhà ông Chu đến đường nội thôn	UBND xã Rờ Koi	Xã Rờ Koi		2024							x	
(4)	Xã Sa Bình						2.321,7	2.200,0	1.654,5	999,0	655,5		
1	Đường đi khu sản xuất suối Vê thôn Lung Leng - khu sản xuất thôn Khúc Na	BQLDA ĐTXD	Xã Sa Bình	L=513,23m, Bn=5m, Bm=3,5m. BTXM và hệ thống thoát nước	2022-2024	1830/QĐ-UBND 04/11/2022	2.321,7	2.200,0	999,0	999,0			DA chuyển tiếp; năm 2022, 2023 đã bố trí 1.2010 triệu đồng
2	Đường đi khu SX từ thôn Bình Loong đi trang trại ông Bảy Nguyễn	BQLDA ĐTXD	Xã Sa Bình		2024								
(5)	Xã Ya Ly								2.927,5		2.927,5		
1	Đường, cầu tàu bến thuyền làng Chờ	UBND xã Ya Ly	Xã Ya Ly		2024							x	
2	Đường đi khu sản xuất đoạn nhà bà Cánh vào khu sản xuất	UBND xã Ya Ly	Xã Ya Ly		2024							x	
3	Đường nội thôn (đoạn từ nhà ông A HGiú đến nhà ông A Vong)	UBND xã Ya Ly	Xã Ya Ly		2024							x	
4	Đường nội làng Chừ (đoạn nhà ông Y Ráo đến nhà bà Y Kurn)	UBND xã Ya Ly	Xã Ya Ly		2024							x	
5	Đường nội thôn làng Chừ (đoạn nhà Y Nhứp đến nhà A Toah)	UBND xã Ya Ly	Xã Ya Ly		2024							x	
6	Đường nội làng Chờ (đoạn từ nhà ông A Cầu vào khu sản xuất)	UBND xã Ya Ly	Xã Ya Ly		2024							x	
(6)	Xã Ya Xiêr								2.889,0		2.889,0		
1	Đường đi khu sản xuất làng Trang, nối tiếp đến Rừng keo	BQLDA ĐTXD	Xã Ya Xiêr		2024								
2	Đường đi khu nước giọt và khu sản xuất từ nhà bà Y Máu đến khu sản xuất.	UBND xã Ya Xiêr	Xã Ya Xiêr		2024							x	
3	Bê tông hóa đường nội thôn từ nhà ông A Hdoi đến nhà A Nin, chiều dài 185m.	UBND xã Ya Xiêr	Xã Ya Xiêr		2024							x	
4	Bê tông hóa đường nội thôn làng Lung đoạn từ nhà Y Nèo đến nhà A Mét	UBND xã Ya Xiêr	Xã Ya Xiêr		2024							x	
5	Bê tông hóa đoạn đường nội thôn từ nhà A Núc đến nhà A Vê	UBND xã Ya Xiêr	Xã Ya Xiêr		2024							x	
6	Bê tông hóa nội thôn đoạn từ nhà ông Nguyễn Văn Hai đến nối vào đường dự án giảm nghèo Tây nguyên	UBND xã Ya Xiêr	Xã Ya Xiêr		2024							x	
(7)	Xã Ya Tâng								2.895,0		2.895,0		
1	Đường đi khu sản xuất Ya Bu (đoạn từ Lâm trường cũ đến rẫy ông Phạm Văn Cường)	BQLDA ĐTXD	Xã Ya Tâng		2024								
2	Đường đi khu sản xuất Ya Giang (Đoạn từ rẫy ông A Xuân đến rẫy ông Nguyễn Văn Bằng)	BQLDA ĐTXD	Xã Ya Tâng		2024								
(8)	Xã Hơ Moong								2.954,0		2.954,0		
1	Đường đi khu sản xuất nối tiếp rẫy ông Thân đến khu 8 hộ thôn Đăk Wok Yốp, thôn Tân Sang	BQLDA ĐTXD	Xã Hơ Moong		2024								
2	Đường đi khu sản xuất thôn K'Bay nhánh số 1	BQLDA ĐTXD	Xã Hơ Moong		2024								
(9)	Thị trấn Sa Thầy								1.241,0		1.241,0		
1	Phòng học Mầm non (bao gồm nhà vệ sinh và các hạng mục phụ trợ), điểm trường làng Kleng, thị trấn Sa Thầy	UBND thị trấn Sa Thầy	Thị trấn Sa Thầy		2024							x	
2	Phòng học Tiểu học (bao gồm nhà vệ sinh và các hạng mục phụ trợ) điểm trường, làng Kleng, thị trấn Sa Thầy	UBND thị trấn Sa Thầy	Thị trấn Sa Thầy		2024							x	
3	Đường đi khu sản xuất làng Kleng (đoạn từ đất ông A Lue đến rẫy ông A Iu)	UBND thị trấn Sa Thầy	Thị trấn Sa Thầy		2024							x	
(10)	Xã Sa Nghĩa								413,4		413,4		
1	Đường sản xuất (từ rẫy nhà ông Nguyễn Văn Châu đến nhà ông Phạm Thanh)	UBND xã Sa Nghĩa	Xã Sa Nghĩa		2024							x	
2	Đường sản xuất (từ đường chính bê tông đi thôn Đăk Tân đến rẫy ông Phạm Tiến Đông)	UBND xã Sa Nghĩa	Xã Sa Nghĩa		2024							x	

TT	Danh mục dự án/công trình	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Vốn đầu tư nguồn NSTW năm 2024			Dự án theo cơ chế đặc thù	Ghi chú
						Số QĐ, ngày tháng năm phê duyệt	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng cộng	Phân bổ kỳ này	Phân bổ sau khi đủ điều kiện (*)		
3	Đường sản xuất (từ nhà ông Sáu Chung đến nhà ông Ba Trung)	UBND xã Sa Nghĩa	Xã Sa Nghĩa		2024							x	
IV	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực						1.605,0	1.510,0	947,0	237,0	710,0		
IV.1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú; trường phổ thông dân tộc bán trú; trường Phổ thông có học sinh bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số						1.605,0	1.510,0	947,0	237,0	710,0		
1	Trường Tiểu học - Trung học cơ sở xã Ya Ly (Điểm trường trung tâm). Hạng mục: 02 phòng học chức năng và hạng mục phụ trợ	BQLDA ĐTXD	Xã Ya Ly	Đầu tư hạng mục nhà học chức năng 02 phòng và các hạng mục phụ trợ	2022-2024	1833/QĐ-UBND 07/11/2022	1.605,0	1.510,0	237,0	237,0			DA chuyển tiếp; năm 2022, năm 2023 đã bố trí 1.273 triệu đồng
2	Trường THCS xã Rờ Koi (Điểm trường trung tâm). Hạng mục: 02 phòng học chức năng và hạng mục phụ trợ	BQLDA ĐTXD	Xã Rờ Koi		2024-2025								
V	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch								560,0		560,0		
1	Sửa chữa thiết chế nhà Văn hóa làng Tum	UBND xã Ya Ly	Xã Ya Ly		2024								
2	Sửa chữa thiết chế nhà Văn hóa làng Trang	UBND xã Ya Xiêr	Xã Ya Xiêr		2024								
3	Sửa chữa thiết chế nhà Văn hóa làng Kênh	UBND xã Mô Rai	Xã Mô Rai		2024								

Ghi chú: (*) Ủy ban nhân dân huyện trình Hội đồng nhân dân huyện phân bổ chi tiết sau khi đảm bảo thủ tục theo quy định.

Phụ lục V.2

PHÂN BỐ DỰ TOÁN VỐN SỰ NGHIỆP NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2024 THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI
GIAI ĐOẠN 2021-2030, GIAI ĐOẠN I: 2021-2025 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN SA THẦY

ĐVT: Triệu đồng.

TT	Chỉ tiêu	Chủ đầu tư	Địa điểm	Quy mô	Thời gian KC-HT	Vốn sự nghiệp Trung ương năm 2024			Ghi chú
						Tổng số	Phân bổ kỳ này	Phân bổ sau khi đủ điều kiện (*)	
	TỔNG SỐ					24.989,0	24.884,0	105,0	
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt					2.567,0	2.567,0	-	
1.1	Nội dung số 4: Hỗ trợ chuyển đổi nghề					1.860,0	1.860,0	-	
1	Xã Sa Bình	UBND xã Sa Bình	Xã Sa Bình	Hỗ trợ cho 15 hộ	2024	150,0	150,0		
2	Xã Hơ Moong	UBND xã Hơ Moong	Xã Hơ Moong	Hỗ trợ cho 60 hộ	2024	600,0	600,0		
3	Xã Ya Ly	UBND xã Ya Ly	Xã Ya Ly	Hỗ trợ cho 6 hộ	2024	60,0	60,0		
4	Xã Ya Xiêr	UBND xã Ya Xiêr	Xã Ya Xiêr	Hỗ trợ cho 22 hộ	2024	220,0	220,0		
5	Xã Ya Tăng	UBND xã Ya Tăng	Xã Ya Tăng	Hỗ trợ cho 6 hộ	2024	60,0	60,0		
6	Xã Rờ Koi	UBND xã Rờ Koi	Xã Rờ Koi	Hỗ trợ cho 33 hộ	2024	330,0	330,0		
7	Xã Mô Rai	UBND xã Mô Rai	Xã Mô Rai	Hỗ trợ cho 13 hộ	2024	130,0	130,0		
8	Thị trấn Sa Thầy	UBND thị trấn Sa Thầy	Thị trấn Sa Thầy	Hỗ trợ cho 15 hộ	2024	150,0	150,0		
9	Xã Sa Nghĩa	UBND xã Sa Nghĩa	Xã Sa Nghĩa	Hỗ trợ cho 11 hộ	2024	110,0	110,0		
10	Xã Sa Sơn	UBND xã Sa Sơn	Xã Sa Sơn	Hỗ trợ cho 5 hộ	2024	50,0	50,0		
1.2	Nội dung số 6: Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán					707,0	707,0	-	
1	Xã Sa Bình	UBND xã Sa Bình	Xã Sa Bình	Hỗ trợ cho 7 hộ	2024	21,0	21,0		
2	Xã Hơ Moong	UBND xã Hơ Moong	Xã Hơ Moong	Hỗ trợ cho 51 hộ	2024	152,0	152,0		
3	Xã Ya Ly	UBND xã Ya Ly	Xã Ya Ly	Hỗ trợ cho 14 hộ	2024	42,0	42,0		
4	Xã Ya Xiêr	UBND xã Ya Xiêr	Xã Ya Xiêr	Hỗ trợ cho 26 hộ	2024	78,0	78,0		
5	Xã Ya Tăng	UBND xã Ya Tăng	Xã Ya Tăng	Hỗ trợ cho 14 hộ	2024	42,0	42,0		
6	Xã Rờ Koi	UBND xã Rờ Koi	Xã Rờ Koi	Hỗ trợ cho 66 hộ	2024	198,0	198,0		
7	Xã Mô Rai	UBND xã Mô Rai	Xã Mô Rai	Hỗ trợ cho 26 hộ	2024	78,0	78,0		
8	Thị trấn Sa Thầy	UBND thị trấn Sa Thầy	Thị trấn Sa Thầy	Hỗ trợ cho 14 hộ	2024	42,0	42,0		
9	Xã Sa Nghĩa	UBND xã Sa Nghĩa	Xã Sa Nghĩa	Hỗ trợ cho 13 hộ	2024	39,0	39,0		
10	Xã Sa Sơn	UBND xã Sa Sơn	Xã Sa Sơn	Hỗ trợ cho 05 hộ	2024	15,0	15,0		
2	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết					125,0	125,0	-	
-	Hỗ trợ địa bàn bố trí dân xen ghép cho Dự án sắp xếp, ổn định dân cư Làng KĐin, xã Mô Rai, huyện Sa Thầy	PDT	Xã Mô Rai		2024	125,0	125,0		
2	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị					15.852,0	15.852,0		
2.1	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	PNN&PTNT	Huyện Sa Thầy		2024	9.364,0	9.364,0		
2.2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi					6.488,0	6.488,0		
1	Xã Sa Bình	UBND xã Sa Bình	Xã Sa Bình		2024	567,0	567,0		
2	Xã Hơ Moong	UBND xã Hơ Moong	Xã Hơ Moong		2024	895,0	895,0		
3	Xã Ya Ly	UBND xã Ya Ly	Xã Ya Ly		2024	882,0	882,0		
4	Xã Ya Xiêr	UBND xã Ya Xiêr	Xã Ya Xiêr		2024	862,0	862,0		
5	Xã Ya Tăng	UBND xã Ya Tăng	Xã Ya Tăng		2024	865,0	865,0		
6	Xã Rờ Koi	UBND xã Rờ Koi	Xã Rờ Koi		2024	927,0	927,0		
7	Xã Mô Rai	UBND xã Mô Rai	Xã Mô Rai		2024	923,0	923,0		
8	Thị trấn Sa Thầy	UBND thị trấn Sa Thầy	Thị trấn Sa Thầy		2024	425,0	425,0		
9	Xã Sa Nghĩa	UBND xã Sa Nghĩa	Xã Sa Nghĩa		2024	142,0	142,0		
3	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc; Duy tu, bảo dưỡng các công trình sau đầu tư					2.516,0	2.516,0		
-	Xã Sa Bình	UBND xã Sa Bình	Xã Sa Bình		2024	246,0	246,0		
-	Xã Hơ Moong	UBND xã Hơ Moong	Xã Hơ Moong		2024	331,0	331,0		
-	Xã Ya Ly	UBND xã Ya Ly	Xã Ya Ly		2024	328,0	328,0		
-	Xã Ya Xiêr	UBND xã Ya Xiêr	Xã Ya Xiêr		2024	323,0	323,0		
-	Xã Ya Tăng	UBND xã Ya Tăng	Xã Ya Tăng		2024	324,0	324,0		
-	Xã Rờ Koi	UBND xã Rờ Koi	Xã Rờ Koi		2024	360,0	360,0		
-	Xã Mô Rai	UBND xã Mô Rai	Xã Mô Rai		2024	359,0	359,0		
-	Thị trấn Sa Thầy	UBND thị trấn Sa Thầy	Thị trấn Sa Thầy		2024	184,0	184,0		

TT	Chi tiêu	Chủ đầu tư	Địa điểm	Quy mô	Thời gian KC-HT	Vốn sự nghiệp Trung ương năm 2024			Ghi chú
						Tổng số	Phân bổ kỳ này	Phân bổ sau khi đủ điều kiện (*)	
-	Xã Sa Nghĩa	UBND xã Sa Nghĩa	Xã Sa Nghĩa		2024	61,0	61,0		
4	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực					1.352,0	1.352,0		
4.1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường PTDTNT, trường PTDTBT, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng ĐBDTTS	PGD	Huyện Sa Thầy		2024	953,0	953,0		
4.2	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	PDT	Huyện Sa Thầy		2024	399,0	399,0		
5	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch					220,0	220,0		
-	Hỗ trợ hoạt động cho đội văn nghệ truyền thống tại các thôn vùng đồng bào DTTS và miền núi	PVHTT	Huyện Sa Thầy	Hỗ trợ hoạt động 07 Đội văn nghệ	2024	220,0	220,0		
6	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em					1.192,0	1.192,0		
6.1	Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em (cấp huyện)	HLHPN	Huyện Sa Thầy		2024	715,2	715,2		
6.2	Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em (cấp xã)					476,8	476,8		
1	Xã Sa Bình	UBND xã Sa Bình	Xã Sa Bình		2024	49,8	49,8		
2	Xã Hơ Moong	UBND xã Hơ Moong	Xã Hơ Moong		2024	61,0	61,0		
3	Xã Ya Ly	UBND xã Ya Ly	Xã Ya Ly		2024	61,0	61,0		
4	Xã Ya Xiêr	UBND xã Ya Xiêr	Xã Ya Xiêr		2024	61,0	61,0		
5	Xã Ya Tăng	UBND xã Ya Tăng	Xã Ya Tăng		2024	61,0	61,0		
6	Xã Rờ Koi	UBND xã Rờ Koi	Xã Rờ Koi		2024	67,0	67,0		
7	Xã Mô Rai	UBND xã Mô Rai	Xã Mô Rai		2024	67,0	67,0		
8	Thị trấn Sa Thầy	UBND thị trấn Sa Thầy	Thị trấn Sa Thầy		2024	37,0	37,0		
9	Xã Sa Nghĩa	UBND xã Sa Nghĩa	Xã Sa Nghĩa		2024	12,0	12,0		
7	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn					325,0	325,0		
7.1	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi					325,0	325,0		
a)	Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (cấp huyện)	PDT				32,5	32,5		
b)	Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (cấp xã)					292,5	292,5		
1	Xã Sa Bình	UBND xã Sa Bình	Xã Sa Bình		2024	12,0	12,0		
2	Xã Hơ Moong	UBND xã Hơ Moong	Xã Hơ Moong		2024	37,0	37,0		
3	Xã Ya Ly	UBND xã Ya Ly	Xã Ya Ly		2024	37,0	37,0		
4	Xã Ya Xiêr	UBND xã Ya Xiêr	Xã Ya Xiêr		2024	37,0	37,0		
5	Xã Ya Tăng	UBND xã Ya Tăng	Xã Ya Tăng		2024	37,0	37,0		
6	Xã Rờ Koi (bao gồm mô hình)	UBND xã Rờ Koi	Xã Rờ Koi		2024	59,5	59,5		
7	Xã Mô Rai	UBND xã Mô Rai	Xã Mô Rai		2024	37,0	37,0		
8	Thị trấn Sa Thầy	UBND thị trấn Sa Thầy	Thị trấn Sa Thầy		2024	12,0	12,0		
9	Xã Sa Nghĩa	UBND xã Sa Nghĩa	Xã Sa Nghĩa		2024	12,0	12,0		
10	Xã Sa Sơn	UBND xã Sa Sơn	Xã Sa Sơn		2024	12,0	12,0		
8	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình					840,0	735,0	105,0	
8.1	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình					547,0	547,0		
a)	Nội dung số 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín	PDT	Huyện Sa Thầy		2024	80,0	80,0		
b)	Nội dung số 2: Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền vận động đồng bào dân tộc thiểu số					467,0	467,0		
(1)	Cấp huyện					187,0	187,0		
1	Phổ biến, giáo dục pháp luật	PDT			2024	93,5	93,5		
2	Tuyên truyền vận động đồng bào dân tộc thiểu số	TTVH-TT-DL&TT	Huyện Sa Thầy		2024	93,5	93,5		
(2)	Cấp xã					280,0	280,0		
1	Xã Sa Bình	UBND xã Sa Bình	Xã Sa Bình		2024	28,0	28,0		
2	Xã Hơ Moong	UBND xã Hơ Moong	Xã Hơ Moong		2024	28,0	28,0		
3	Xã Ya Ly	UBND xã Ya Ly	Xã Ya Ly		2024	28,0	28,0		

TT	Chi tiêu	Chủ đầu tư	Địa điểm	Quy mô	Thời gian KC-HT	Vốn sự nghiệp Trung ương năm 2024			Ghi chú
						Tổng số	Phân bổ kỳ này	Phân bổ sau khi đủ điều kiện (*)	
4	Xã Ya Xiêr	UBND xã Ya Xiêr	Xã Ya Xiêr		2024	28,0	28,0		
5	Xã Ya Tăng	UBND xã Ya Tăng	Xã Ya Tăng		2024	28,0	28,0		
6	Xã Rờ Koi (bao gồm mô hình)	UBND xã Rờ Koi	Xã Rờ Koi		2024	28,0	28,0		
7	Xã Mô Rai	UBND xã Mô Rai	Xã Mô Rai		2024	28,0	28,0		
8	Thị trấn Sa Thầy	UBND thị trấn Sa Thầy	Thị trấn Sa Thầy		2024	28,0	28,0		
9	Xã Sa Nghĩa	UBND xã Sa Nghĩa	Xã Sa Nghĩa		2024	28,0	28,0		
10	Xã Sa Sơn	UBND xã Sa Sơn	Xã Sa Sơn		2024	28,0	28,0		
8.2	<i>Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>					105,0		105,0	
8.3	<i>Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình.</i>					188,0	188,0		
a)	<i>Thực hiện các hoạt động kiểm tra, giám sát, đánh giá; sơ kết, tổng kết tổng thể Chương trình (Cấp huyện); tổ chức phân biện xã hội đối với các chính sách, dự án, tiểu dự án của Chương trình</i>					69,0	69,0		
1	Thực hiện các hoạt động kiểm tra, giám sát, đánh giá; sơ kết, tổng kết tổng thể Chương trình	Phòng DT	Huyện Sa Thầy		2024	30,0	30,0		
2	Tổ chức giám sát, phân biện xã hội đối với các chính sách, dự án, tiểu dự án của Chương trình	UBMTTQ VN huyện	Huyện Sa Thầy		2024	15,0	15,0		
3	Tổ chức giám sát, phân biện xã hội đối với các chính sách, dự án, tiểu dự án của Chương trình	Hội Cựu chiến binh	Huyện Sa Thầy		2024	6,0	6,0		
4	Tổ chức giám sát, phân biện xã hội đối với các chính sách, dự án, tiểu dự án của Chương trình	Hội Nông dân	Huyện Sa Thầy		2024	6,0	6,0		
5	Tổ chức giám sát, phân biện xã hội đối với các chính sách, dự án, tiểu dự án của Chương trình	Đoàn thanh niên	Huyện Sa Thầy		2024	6,0	6,0		
6	Tổ chức giám sát, phân biện xã hội đối với các chính sách, dự án, tiểu dự án của Chương trình	Ban Dân vận	Huyện Sa Thầy		2024	6,0	6,0		
b)	<i>Thực hiện các hoạt động kiểm tra, đánh giá dự án thành phần được giao chủ trì (Cấp xã)</i>					119,0	119,0		
1	Xã Sa Bình	UBND xã Sa Bình	Xã Sa Bình		2024	4,0	4,0		
2	Xã Hơ Moong	UBND xã Hơ Moong	Xã Hơ Moong		2024	18,0	18,0		
3	Xã Ya Ly	UBND xã Ya Ly	Xã Ya Ly		2024	18,0	18,0		
4	Xã Ya Xiêr	UBND xã Ya Xiêr	Xã Ya Xiêr		2024	18,0	18,0		
5	Xã Ya Tăng	UBND xã Ya Tăng	Xã Ya Tăng		2024	18,0	18,0		
6	Xã Rờ Koi	UBND xã Rờ Koi	Xã Rờ Koi		2024	18,0	18,0		
7	Xã Mô Rai	UBND xã Mô Rai	Xã Mô Rai		2024	18,0	18,0		
8	Xã Sa Nghĩa	UBND xã Sa Nghĩa	Xã Sa Nghĩa		2024	3,5	3,5		
9	Thị trấn Sa Thầy	UBND thị trấn Sa Thầy	Thị trấn Sa Thầy		2024	3,5	3,5		

Ghi chú: (*): Ủy ban nhân dân huyện trình Hội đồng nhân dân huyện phân bổ chi tiết sau khi đảm bảo thủ tục theo quy định.

Phụ lục VI

PHÂN BỐ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2024
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN SA THẦY

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	TỔNG VỐN	DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023													Ghi chú	
			Vốn ĐTPT			Vốn sự nghiệp	Trong đó										
			Tổng cộng	Trong đó			Hỗ trợ các dự án liên kết, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp	Thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm	Thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới	Tập huấn nâng cao nhận thức và chuyển đổi tư duy của cán bộ các cấp và người dân về phát triển kinh tế nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới	Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông; triển khai phong trào “Cả nước thi đua xây dựng nông thôn mới”	Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng Nông thôn mới	Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng Nông thôn mới	Kinh phí quản lý Chương trình	Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở; Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; Thực hiện các mô hình thôn/làng, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, khu dân cư kiểu mẫu và thực hiện các nội dung khác theo đúng quy định hiện hành		
				Phân bổ đợt này	Phân bổ sau khi đủ điều kiện (*)												
1	Toàn huyện	8.217	4.592	1.171	3.421	3.625	500	300	500	35	50	1.500	50	230	460	Chi tiết tại Phụ lục VI.1, VI.2	

Phụ lục VI.1

PHÂN BỐ DỰ TOÁN VỐN ĐẦU TƯ NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2024 THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN SA THẦY

ĐVT: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án/công trình	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn ĐTP.T nguồn NSTW năm 2024			Dự án thực hiện theo cơ chế đặc thù	Ghi chú
						Số QĐ, ngày tháng năm phê duyệt	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Nguồn vốn huy động khác	Tổng cộng	Giao kỳ này	Giao sau khi đủ điều kiện (*)		
	TỔNG SỐ									4.592,0	1.171,2	3.420,8		
I	Xã Sa Nghĩa									1.171,2	1.171,2			
1	Trường mầm non Hoa Sen, xã Sa Nghĩa. Hạng mục: Nhà hiệu bộ và hạng mục phụ trợ	BQLDA ĐTXD	Xã Sa Nghĩa	Xây dựng nhà hiệu bộ 01 tầng và hạng mục phụ trợ	2023-2024	168/QĐ-UBND, ngày 21/2/2023	1.913,0	1.719,2	193,8	1.171,2	1.171,2			DA chuyển tiếp; Năm 2023 đã bố trí 548 triệu đồng
II	Xã Sa Sơn									1.148,0		1.148,0		
1	Đường đi khi sản xuất thôn 2 (Đoạn đường từ rẫy ông Nguyễn Văn Dũng đến rẫy bà Trần Thị Hoa)	UBND xã Sa Sơn	Xã Sa Sơn		2024								x	
2	Đường đi khi sản xuất thôn 2 (Đoạn nối tiếp từ đường đi khu sản xuất 123 đến rẫy ông Thành)	UBND xã Sa Sơn	Xã Sa Sơn		2024								x	
III	Xã Sa Nhon									1.124,8		1.124,8		
1	Đường sản xuất thôn Nhon An (Đoạn từ điểm trường mầm non đến nghĩa trang thôn Nhon An)	UBND xã Sa Nhon	Xã Sa Nhon		2024								x	
2	Đường sản xuất thôn Nhon Khánh (Đoạn từ nhà ông Đoàn Hùng Mạnh đến rẫy ông Trần Như Quân)	UBND xã Sa Nhon	Xã Sa Nhon		2024								x	
3	Đường sản xuất thôn Đức Lý (Đoạn từ ngã ba đường trục thôn đi hướng đập nước)	UBND xã Sa Nhon	Xã Sa Nhon		2024								x	
IV	Xã Sa Bình									1.148,0		1.148,0		
1	Đường đi sản xuất thôn Bình Tây (Đoạn rẫy nhà ông Sơn đi rãnh nhà ông Tấn)	UBND xã Sa Bình	Xã Sa Bình		2024								x	
2	Đường đi khu sản xuất thôn Bình Trung (Đoạn từ rẫy nhà ông Loan đi rẫy nhà ông Tâm, Rẫy nhà ông Mến nhà ông Tiến)	UBND xã Sa Bình	Xã Sa Bình		2024								x	

Ghi chú: (*): Ủy ban nhân dân huyện trình Hội đồng nhân dân huyện phân bổ chi tiết sau khi đảm bảo thủ tục theo quy định.

Phụ lục VI.2

PHÂN BỐ DỰ TOÁN VỐN SỰ NGHIỆP NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2024 THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN SA THẦY

TT	Chi tiêu	Chủ đầu tư	Địa điểm	Thời gian KC-HT	Vốn sự nghiệp Trung ương năm 2024			Ghi chú
					Tổng số	Phân bổ kỳ này	Phân bổ sau khi đủ điều kiện (*)	
	TỔNG SỐ				3.625,0	3.625,0		
1	Hỗ trợ các dự án liên kết, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp	Phòng NN&PTNT	Huyện Sa Thầy	2024	500,0	500,0		
2	Thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (Chương trình OCOP)	Phòng NN&PTNT	Huyện Sa Thầy	2024	300,0	300,0		
3	Thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới	Phòng Văn hóa - Thông tin	Huyện Sa Thầy	2024	500,0	500,0		
4	Tập huấn nâng cao nhận thức và chuyển đổi tư duy của cán bộ các cấp và người dân về phát triển kinh tế nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới	Phòng NN&PTNT	Huyện Sa Thầy	2024	35,0	35,0		
5	Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông; triển khai phong trào “Cà nước thi đua xây dựng nông thôn mới”	Phòng NN&PTNT	Huyện Sa Thầy	2024	50,0	50,0		
6	Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng Nông thôn mới				1.500,0	1.500,0		
-	Xã Sa Sơn	UBND xã Sa Sơn	Xã Sa Sơn	2024	150,0	150,0		
-	Xã Sa Nhơn	UBND xã Sa Nhơn	Xã Sa Nhơn	2024	150,0	150,0		
-	Xã Sa Nghĩa	UBND xã Sa Nghĩa	Xã Sa Nghĩa	2024	150,0	150,0		
-	Xã Sa Bình	UBND xã Sa Bình	Xã Sa Bình	2024	150,0	150,0		
-	Xã Ya Xiêr	UBND xã Ya Xiêr	Xã Ya Xiêr	2024	150,0	150,0		
-	Xã Ya Tăng	UBND xã Ya Tăng	Xã Ya Tăng	2024	150,0	150,0		
-	Xã Ya Ly	UBND xã Ya Ly	Xã Ya Ly	2024	150,0	150,0		
-	Xã Rờ Koi	UBND xã Rờ Koi	Xã Rờ Koi	2024	150,0	150,0		
-	Xã Hơ Moong	UBND xã Hơ Moong	Xã Hơ Moong	2024	150,0	150,0		
-	Xã Mô Rai	UBND xã Mô Rai	Xã Mô Rai	2024	150,0	150,0		
7	Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng Nông thôn mới				50,0	50,0		
-	Xã Sa Sơn	UBND xã Sa Sơn	Xã Sa Sơn	2024	5,0	5,0		
-	Xã Sa Nhơn	UBND xã Sa Nhơn	Xã Sa Nhơn	2024	5,0	5,0		
-	Xã Sa Nghĩa	UBND xã Sa Nghĩa	Xã Sa Nghĩa	2024	5,0	5,0		
-	Xã Sa Bình	UBND xã Sa Bình	Xã Sa Bình	2024	5,0	5,0		
-	Xã Ya Xiêr	UBND xã Ya Xiêr	Xã Ya Xiêr	2024	5,0	5,0		
-	Xã Ya Tăng	UBND xã Ya Tăng	Xã Ya Tăng	2024	5,0	5,0		
-	Xã Ya Ly	UBND xã Ya Ly	Xã Ya Ly	2024	5,0	5,0		
-	Xã Rờ Koi	UBND xã Rờ Koi	Xã Rờ Koi	2024	5,0	5,0		
-	Xã Hơ Moong	UBND xã Hơ Moong	Xã Hơ Moong	2024	5,0	5,0		
-	Xã Mô Rai	UBND xã Mô Rai	Xã Mô Rai	2024	5,0	5,0		
8	Kinh phí quản lý Chương trình				230,0	230,0		
a)	Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG cấp huyện				30,0	30,0		
b)	Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG cấp xã				200,0	200,0		
-	Xã Sa Sơn	UBND xã Sa Sơn	Xã Sa Sơn	2024	20,0	20,0		
-	Xã Sa Nhơn	UBND xã Sa Nhơn	Xã Sa Nhơn	2024	20,0	20,0		
-	Xã Sa Nghĩa	UBND xã Sa Nghĩa	Xã Sa Nghĩa	2024	20,0	20,0		
-	Xã Sa Bình	UBND xã Sa Bình	Xã Sa Bình	2024	20,0	20,0		
-	Xã Ya Xiêr	UBND xã Ya Xiêr	Xã Ya Xiêr	2024	20,0	20,0		
-	Xã Ya Tăng	UBND xã Ya Tăng	Xã Ya Tăng	2024	20,0	20,0		
-	Xã Ya Ly	UBND xã Ya Ly	Xã Ya Ly	2024	20,0	20,0		
-	Xã Rờ Koi	UBND xã Rờ Koi	Xã Rờ Koi	2024	20,0	20,0		
-	Xã Hơ Moong	UBND xã Hơ Moong	Xã Hơ Moong	2024	20,0	20,0		
-	Xã Mô Rai	UBND xã Mô Rai	Xã Mô Rai	2024	20,0	20,0		
9	Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở; Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; Thực hiện các mô hình thôn/làng, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, khu dân cư kiểu mẫu và thực hiện các nội dung khác theo đúng quy định hiện hành				460,0	460,0		
-	Xã Sa Sơn	UBND xã Sa Sơn	Xã Sa Sơn	2024	46,0	46,0		
-	Xã Sa Nhơn	UBND xã Sa Nhơn	Xã Sa Nhơn	2024	46,0	46,0		
-	Xã Sa Nghĩa	UBND xã Sa Nghĩa	Xã Sa Nghĩa	2024	46,0	46,0		
-	Xã Sa Bình	UBND xã Sa Bình	Xã Sa Bình	2024	46,0	46,0		
-	Xã Ya Xiêr	UBND xã Ya Xiêr	Xã Ya Xiêr	2024	46,0	46,0		
-	Xã Ya Tăng	UBND xã Ya Tăng	Xã Ya Tăng	2024	46,0	46,0		
-	Xã Ya Ly	UBND xã Ya Ly	Xã Ya Ly	2024	46,0	46,0		
-	Xã Rờ Koi	UBND xã Rờ Koi	Xã Rờ Koi	2024	46,0	46,0		
-	Xã Hơ Moong	UBND xã Hơ Moong	Xã Hơ Moong	2024	46,0	46,0		
-	Xã Mô Rai	UBND xã Mô Rai	Xã Mô Rai	2024	46,0	46,0		

Ghi chú: (*): Ủy ban nhân dân huyện trình Hội đồng nhân dân huyện phân bổ chi tiết sau khi đảm bảo thủ tục theo quy định.